

Số: 07/QĐ-HĐQL

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản lý rủi ro cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/1/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013;

Căn cứ Thông tư số 39/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Thông tư số 105/2007/TT-BTC ngày 30/8/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 22/VBHN-NHNN ngày 04/6/2014 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;

Căn cứ Văn bản số 1660/SNV-TCBC ngày 31/7/2018 của Sở Nội vụ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 874/TTr-QĐTPT ngày 13/9/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế rủi ro cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

Điều 2.

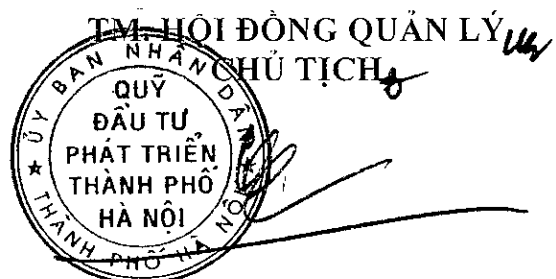
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký kết phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các Phòng thuộc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Đức Chung

QUY CHẾ
QUẢN LÝ RỦI RO CHO VAY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQL ngày 27 tháng 9 năm 2018
của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý phòng ngừa rủi ro; trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro; xử lý rủi ro cho vay trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, thẩm định cho vay, giải ngân vốn vay và quản lý sau vay tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Quỹ Đầu tư).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với Quỹ Đầu tư; các Chủ đầu tư có quan hệ vay vốn và các tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động cho vay tại Quỹ Đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Rủi ro cho vay*: là khả năng xảy ra tổn thất đối với khoản cho vay của Quỹ Đầu tư do bên đi vay (Chủ đầu tư), bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

2. *Rủi ro trong công tác giải ngân cho vay*: là rủi ro xảy ra do chủ đầu tư sử dụng vốn sai mục đích, hồ sơ giải ngân không đúng khối lượng, tiến độ hiện trường dự án.

3. *Rủi ro trong công tác bảo đảm tiền vay*: là rủi ro xảy ra do hồ sơ pháp lý của tài sản không đầy đủ, có sự tranh chấp về quyền sở hữu, giá trị tài sản giảm không đủ trả nợ gốc cho Quỹ Đầu tư, tài sản có tính thanh khoản thấp.

4. *Rủi ro trong giai đoạn quản lý sau vay và thu hồi nợ vay*: là rủi ro xảy ra do chủ đầu tư không đủ năng lực, khả năng khai thác dự án, do gặp rủi ro trong kinh doanh, vận hành dự án... dẫn đến không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính.

5. *Dự phòng rủi ro*: là số tiền trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ của Quỹ Đầu tư. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

6. *Dự phòng cụ thể*: là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể.

7. *Dự phòng chung*: là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

8. *Sử dụng dự phòng*: Là việc Quỹ Đầu tư sử dụng dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất đối với các khoản nợ.

9. *Nợ quá hạn*: Là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.

10. *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ*: Là việc Quỹ Đầu tư chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ*: Là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi;

b) *Gia hạn nợ*: Là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

11. *Xóa, giảm lãi tiền vay*: là việc xem xét xóa không thu hoặc chỉ thu một phần nợ lãi trong hạn, quá hạn phải trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

12. *Khoanh nợ*: là biện pháp tạm thời chưa thu nợ (gốc, lãi) trong một thời gian nhất định và không tính lãi trên số nợ gốc được khoanh trong thời gian đó.

13. *Xóa nợ*: là biện pháp không thu nợ gốc đối với chủ đầu tư gặp rủi ro không còn khả năng trả nợ sau khi đã áp dụng mọi biện pháp để tận thu và xử lý nợ theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đánh giá, dự báo rủi ro

1. Thường xuyên đánh giá về môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý, các chính sách tiền tệ, lãi suất và biến động thị trường trong nước có tác động đến các dự án cho vay và biện pháp bảo đảm tiền vay.

2. Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; định kỳ và thường xuyên phân tích, đánh giá thông tin về chủ đầu tư và dự án, theo dõi và báo cáo những dấu hiệu có thể phát sinh rủi ro trong quá trình cho vay, đề xuất biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

3. Thực hiện kiểm soát nội bộ thường xuyên trong quá trình cho vay, kịp thời phát hiện sai sót trong quá trình cho vay, để có biện pháp khắc phục, xử lý.

Điều 5. Phòng ngừa rủi ro trong công tác tiếp nhận và quản lý hồ sơ

Xây dựng, ban hành Danh mục hồ sơ và quy trình tiếp nhận, xử lý, quản lý và lưu trữ hồ sơ phù hợp với nhiệm vụ cho vay trong từng thời kỳ. Việc giải quyết hồ sơ của các cá nhân, đơn vị phải được theo dõi, xử lý trong thời hạn đã được quy định.

Điều 6. Phòng ngừa rủi ro trong công tác thẩm định cho vay

1. Có trách nhiệm tổ chức đánh giá, thẩm định cho vay trước khi quyết định cho vay. Nội dung đánh giá, thẩm định cho vay thực hiện theo các quy định tại Quy chế cho vay, Quy chế bảo đảm tiền vay, Quy định về thẩm định, giải ngân vốn vay và quản lý sau vay tại Quỹ Đầu tư do Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, tất cả các nội dung thẩm định phải được kiểm tra, phân tích cẩn trọng đảm bảo trung thực, khách quan, nếu phát hiện rủi ro tiềm ẩn báo cáo kịp thời đến các cấp lãnh đạo có thẩm quyền xem xét chỉ đạo.

3. Đảm bảo việc tuân thủ các quy định về đối tượng cho vay, thẩm quyền quyết định cho vay, giới hạn cho vay, điều kiện cho vay...

4. Xây dựng mô hình tổ chức, bộ máy, sắp xếp nhân sự có năng lực, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cho vay theo quy định.

Điều 7. Phòng ngừa rủi ro trong công tác giải ngân cho vay

1. Tổ chức giám sát, kiểm tra chặt chẽ theo quy trình giải ngân, kiểm tra trước, trong và sau khi giải ngân, không để chủ đầu tư sử dụng sai mục đích các khoản tiền vay.

2. Giải ngân theo các điều khoản quy định sau khi khoản vay đã được phê duyệt và hồ sơ cho vay đã hoàn tất, tài sản bảo đảm (nếu có) đã được thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng bảo đảm. Đối với các trường hợp ngoại lệ phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Theo dõi định kỳ tiến độ, khối lượng xây dựng dự án trên cơ sở thiết kế, dự toán đã phê duyệt; đánh giá năng lực quản lý, thực hiện dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư (đối với phân vốn đối ứng). Tìm hiểu những khó khăn, thuận lợi khi triển khai thực hiện dự án để có biện pháp phối hợp tháo gỡ kịp thời.

4. Trường hợp phát hiện chủ đầu tư có biểu hiện sai trái trong quá trình thực hiện dự án, sử dụng vốn vay không đúng cam kết, phải báo cáo ngay cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

5. Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình các bước, hồ sơ, thủ tục trong quá trình giải ngân và theo dõi quản lý thu hồi vốn vay cho đến khi hợp đồng tín dụng được thanh lý.

Điều 8. Phòng ngừa rủi ro trong công tác bảo đảm tiền vay

1. Ban hành các quy định về quản lý tài sản bảo đảm, bao gồm: thẩm tra, đánh giá tài sản, quản lý theo dõi tài sản, quản lý hồ sơ pháp lý của tài sản, thủ tục xử lý tài sản trong các trường hợp cần thiết...

2. Thực hiện đúng các quy trình, quy định đã ban hành và các quy định pháp luật hiện hành về hồ sơ, thủ tục, các bước công việc về thẩm tra, đánh giá, nhận tài sản bảo đảm.

Điều 9. Phòng ngừa rủi ro trong giai đoạn quản lý sau vay và thu hồi nợ vay

1. Ban hành các quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý sau vay và thu hồi nợ vay. Thường xuyên rà soát các quy định, quy trình với tình hình triển khai thực hiện để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình hoạt động của dự án, kết quả hoạt động tài chính - kinh doanh của chủ đầu tư theo quy định tại các quy chế, quy trình đã ban hành và hợp đồng tín dụng đã ký. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra, qua đó, có biện pháp quản lý, đảm bảo việc thu hồi nợ vay về Quỹ an toàn, hiệu quả.

3. Theo dõi chặt chẽ tình hình trả nợ của chủ đầu tư, có các hình thức thông báo, nhắc nhở chủ đầu tư về kỳ hạn thực hiện nghĩa vụ trước khi đến hạn. Trường hợp chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ chậm theo kỳ hạn, Quỹ phải có các biện pháp quản lý nhằm hạn chế tối thiểu khả năng xảy ra rủi ro.

4. Phối hợp với chủ đầu tư, các Sở, ngành liên quan để tháo gỡ khó khăn cho chủ đầu tư (nếu có).

Điều 10. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro

1. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được thực hiện trên cơ sở kết quả phân loại nợ và theo tỷ lệ trích do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và theo quy định hiện hành.

2. Đối với các khoản nợ khoanh, việc trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Quỹ Đầu tư và theo quy định hiện hành.

Điều 11. Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro

1. Quỹ dự phòng để xử lý rủi ro được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Bên vay là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản nợ thuộc nhóm nợ có khả năng mất vốn.

c) Các khoản nợ khoanh chờ UBND Thành phố xử lý: Quỹ Đầu tư được sử dụng dự phòng (nếu có) để xử lý rủi ro.

2. Dự phòng cụ thể trích cho khoản vay nào thì được xử lý rủi ro cho khoản vay đó.

3. Trường hợp dự phòng cụ thể không đủ để xử lý khoản nợ, Quỹ Đầu tư tiến hành việc phát mại tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với chủ đầu tư và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

4. Trường hợp sử dụng dự phòng cụ thể và số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm của dự án đó không đủ bù đắp rủi ro của khoản nợ thì phải sử dụng dự phòng chung để xử lý.

5. Cuối năm, khoản dự phòng rủi ro đã trích không sử dụng hết được để lại bù đắp rủi ro cho những năm sau. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp các tổn thất, Quỹ Đầu tư báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

6. Sau khi đã sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro cho vay, Quỹ Đầu tư phải chuyển các khoản nợ đã được xử lý rủi ro cho vay từ hạch toán nội bảng ra hạch toán ngoại bảng để tiếp tục theo dõi và có các biện pháp để thu hồi nợ triệt để.

Điều 12. Phân loại nợ

1. Mỗi quý một lần, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, Quỹ Đầu tư thực hiện phân loại nợ gốc và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của quý (tháng) trước. Riêng đối với quý IV, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng 12, Quỹ Đầu tư thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối ngày 30 tháng 11.

2. Việc phân loại nợ, trích dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật áp dụng cho tổ chức tín dụng và được tính vào chi phí hoạt động theo quy định tại cơ chế quản lý tài chính Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ tài chính ban hành.

3. Đối với khoản cho vay hợp vốn, từng đơn vị cho vay hợp vốn phải thực hiện việc phân loại độc lập và có trách nhiệm thông báo ngay cho nhau kết quả phân loại. Toàn bộ nợ và cam kết ngoại bảng của chủ đầu tư được cấp tín dụng hợp vốn phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất mà mỗi đơn vị cho vay hợp vốn đã phân loại.

Điều 13. Các trường hợp được xem xét xử lý rủi ro

1. Chỉ xem xét xử lý rủi ro cho chủ đầu tư có các dự án vay vốn tại Quỹ đã sử dụng vốn đúng mục đích, nhưng:

a) Do Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ;

b) Do nguyên nhân khách quan bất khả kháng gây thiệt hại tài sản, chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);
- Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại theo thẩm quyền được quy định trong Quy chế này.

3. Việc xem xét xử lý rủi ro được thực hiện cho từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào khả năng tài chính của chủ đầu tư, mức độ thiệt hại và nguyên nhân dẫn đến rủi ro.

4. Một dự án có thể được áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp xử lý rủi ro.

Điều 14. Các trường hợp không được xem xét xử lý rủi ro

1. Các khoản nợ đã được xử lý theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trừ trường hợp chủ đầu tư bị giải thể, phá sản theo quyết định của pháp luật hoặc chủ đầu tư là cá nhân bị chết, mất tích sau khi đã xử lý xong tài sản để thu nợ). Trường hợp đặc biệt, Tổng Giám đốc báo cáo UBND Thành phố, Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

2. Các khoản cho vay bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thời điểm xem xét xử lý rủi ro

1. Việc áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro được tính từ thời điểm chủ đầu tư gặp rủi ro.

2. Việc xem xét xử lý rủi ro được thực hiện trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 16. Biện pháp xử lý rủi ro

1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ Đầu tư và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của chủ đầu tư, Quỹ Đầu tư xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ như sau:

a) Chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ Đầu tư đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ Đầu tư xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của chủ đầu tư; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Chủ đầu tư không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ Đầu tư đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ Đầu tư xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của chủ đầu tư.

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

2. Xóa, giảm lãi tiền vay

Xóa, giảm lãi tiền vay được thực hiện với các Chủ đầu tư bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại điểm a khoản 1 Điều 13 Quy chế này. Mức độ thiệt hại về tài sản không lớn, chủ đầu tư vẫn còn khả năng trả nợ.

3. Khoanh nợ

a) Khoanh nợ được thực hiện đối với các chủ đầu tư có mức độ thiệt hại lớn về tài sản, chủ đầu tư có khó khăn về tài chính, không thể sản xuất kinh

doanh bình thường hoặc sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả thấp; mất khả năng thanh toán nợ trong thời gian đầu bị rủi ro, không trả được nợ vay cho Quỹ Đầu tư như cam kết do các nguyên nhân nêu tại điểm a khoản 1 Điều 13 Quy chế này nhưng sau đó vẫn có thể trả được nợ.

b) Trong thời gian khoan nợ, nếu chủ đầu tư có khả năng trả nợ, thì Quỹ xác định kỳ hạn, mức trả nợ trong từng kỳ hạn và yêu cầu chủ đầu tư trả nợ gốc để thu hồi vốn.

c) Các khoản nợ đã được xử lý khoan nợ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì thời gian khoan nợ không tính vào thời gian vay vốn (thời hạn cho vay) ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

d) Trường hợp hết thời gian khoan nợ, chủ đầu tư vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét tiếp tục cho khoan nợ với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoan nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Xóa nợ

Xóa nợ được áp dụng đối với chủ đầu tư có khó khăn về tài chính, không trả được một phần (hoặc toàn bộ) nợ vay cho Quỹ Đầu tư như cam kết do các nguyên nhân nêu tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này, khi đã hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cấp nào quyết định cho vay thì cấp đó quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý quyết định việc xóa, giảm nợ lãi.

3. Hội đồng quản lý báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc. Trường hợp xóa nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 18. Hồ sơ pháp lý để xử lý rủi ro

1. Văn bản đề nghị xử lý rủi ro của chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro của chủ đầu tư (nếu có).

Trường hợp chủ đầu tư thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của nhà nước thì phải nộp báo cáo kiểm toán năm gần nhất đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro.

3. Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có).

4. Hồ sơ tài sản bảo đảm và các giấy tờ liên quan

5. Giấy rút vốn, bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro.

6. Trường hợp chủ đầu tư bị thiệt hại về tài sản, hàng hóa do nguyên nhân khách quan (*thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ*) gây ra phải có biên bản xác định thiệt hại, cụ thể:

a) Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại;

b) Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (*số lượng*) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hóa;

c) Thành phần tham gia xác định thiệt hại: Quỹ Đầu tư; chủ đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp phường/xã; cơ quan tài chính cấp huyện, thành phố hoặc thuê tư vấn; Cơ quan chức năng có liên quan (*như: phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, thú y... tùy từng trường hợp cụ thể*).

7. Trường hợp chủ đầu tư bị phá sản

a) Quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản của Tòa án.

b) Quyết định tuyên bố chủ đầu tư bị phá sản của Tòa án và bản sao văn bản giải quyết các khoản nợ, phương án phân chia tài sản của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp phá sản.

8. Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến hồ sơ vay nợ, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết của chủ đầu tư.

9. Đối với từng trường hợp cụ thể, hồ sơ xử lý rủi ro bổ sung thêm như sau:

a) Gia hạn nợ: Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ vay sau khi được gia hạn nợ của chủ đầu tư có sự chấp thuận của Quỹ Đầu tư.

b) Khoanh nợ: Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ vay sau khi được khoanh nợ của chủ đầu tư có sự chấp thuận của Quỹ Đầu tư.

Điều 19. Trình tự, thủ tục xử lý rủi ro

1. Chủ đầu tư có các khoản nợ đề nghị xử lý có trách nhiệm lập bộ hồ sơ theo quy định và gửi đến Quỹ Đầu tư. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro.

2. Sau khi chủ đầu tư nộp đủ hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, Quỹ Đầu tư phải kiểm tra, xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý rủi ro của chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp.

3. Căn cứ quyết định xử lý rủi ro của cấp có thẩm quyền, Quỹ Đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định, đồng thời theo dõi, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các cam kết sau khi được xử lý nợ.

Điều 20. Công tác kiểm tra

Quỹ Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra trước, trong quá trình xử lý và sau khi được xử lý rủi ro, nếu

phát hiện những sai sót, vướng mắc cần giải quyết kịp thời hoặc báo cáo các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Điều 21. Thu hồi nợ

1. Phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ: Quỹ Đầu tư thực hiện việc phát mại tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với chủ đầu tư và các quy định của pháp luật hiện hành. Việc phát mại tài sản bảo đảm được quy định cụ thể trong Quy chế bảo đảm tiền vay.

2. Việc Quỹ Đầu tư sử dụng dự phòng rủi ro để hạch toán các khoản nợ liên quan vào tài khoản ngoại bảng phù hợp không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của chủ đầu tư đối với khoản nợ được xử lý rủi ro.

3. Sau khi đã xử lý rủi ro, Quỹ Đầu tư phải có các biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để và tiếp tục theo dõi, thu hồi nợ đối với khoản nợ được xử lý rủi ro theo hợp đồng tín dụng, cam kết đã thỏa thuận với chủ đầu tư.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định liên quan đến công tác xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của nhà nước không đề cập trong Quy chế này, được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và ban hành các quy định, quy trình (nếu có) để thi hành Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung